

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *ĐH* /CIAS  
V/v Báo cáo tài chính năm 2017

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh  
Mã chứng khoán: CIA  
Trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, TP Cam Ranh,  
Khánh Hòa  
Điện thoại: 0258.6265588  
Fax: 0258.6266262  
Người thực hiện công bố thông tin: Bà ĐỖ HỮU ÁNH LIÊN  
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh, tại địa chỉ [www.cias.vn](http://www.cias.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2017.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

**TUỢNGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Đỗ Hữu Ánh Liên**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY  
QUỐC TẾ CAM RANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trương Minh Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Vũ Hoài Chang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Dương Đức Tính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Khổng Minh Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Phạm Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Nguyễn Việt Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/08/2017

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Minh	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Trương Minh Hoàng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Lê Minh Lâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2017

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Hữu Ánh Liên.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại thuyết minh số 37.2, Công ty không còn sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh (UHY).

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



**Trương Minh Hoàng**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lương Ngô Bảo Trân**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2018*

**Mai Việt Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 2334-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2017 VND</b>	<b>Tại 01/01/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>262.606.956.641</b>	<b>129.731.726.266</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>160.747.046.152</b>	<b>61.654.606.340</b>
Tiền	111		41.647.046.152	51.654.606.340
Các khoản tương đương tiền	112		119.100.000.000	10.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.640.000.000</b>	-
Chứng khoán kinh doanh	121	14	22.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		140.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.514.283.041</b>	<b>8.532.764.408</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	25.757.036.066	6.891.450.598
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		526.393.100	1.091.181.809
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.230.853.875	550.132.001
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>44.115.104.403</b>	<b>49.046.254.240</b>
Hàng tồn kho	141		44.115.104.403	49.046.254.240
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.590.523.045</b>	<b>10.498.101.278</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.874.625.401	2.219.445.865
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.715.897.644	8.278.655.413
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>189.574.280.084</b>	<b>123.551.919.209</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>1.800.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		-	1.800.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>128.952.770.884</b>	<b>85.534.986.391</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	128.096.534.331	84.635.343.099
- Nguyên giá	222		147.093.997.617	92.974.217.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.997.463.286)	(8.338.874.778)
Tài sản cố định vô hình	227	11	856.236.553	899.643.292
- Nguyên giá	228		1.206.400.000	1.101.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.163.447)	(201.756.708)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.516.238.062</b>	<b>20.092.989.464</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.516.238.062	20.092.989.464
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>49.862.683.870</b>	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49.862.683.870	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.242.587.268</b>	<b>17.922.143.354</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.242.587.268	17.922.143.354
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>452.181.236.725</b>	<b>253.283.645.475</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>199.306.535.542</b>	<b>140.517.476.599</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.440.078.606</b>	<b>92.667.162.680</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	87.014.740.718	78.787.051.101
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.922.943	7.081.840
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.598.355.306	790.778.775
Phải trả người lao động	314		19.675.575.770	9.567.410.529
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.080.717.044	1.855.212.039
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	595.061.594	858.618.165
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		462.705.231	801.010.231
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>87.866.456.936</b>	<b>47.850.313.919</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	30.000.000	48.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	59.743.788.064	46.931.659.604
Trái phiếu chuyển đổi	339	20	27.890.630.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		202.038.156	870.654.315
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>252.874.701.183</b>	<b>112.766.168.876</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>252.874.701.183</b>	<b>112.766.168.876</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		84.272.264.600	7.855.010.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.007.406.784	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.143.730.451	3.014.339.728
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.302.784.362	25.931.015.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.839.874.839	10.892.110.580
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.462.909.523	15.038.904.982
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		16.731.620.875	15.548.909.475
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>452.181.236.725</b>	<b>253.283.645.475</b>

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên

Chủ tịch HĐQT




Trương Minh Hoàng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	442.146.446.371	274.626.211.538
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.703.256.881	673.962.845
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>439.443.189.490</b>	<b>273.952.248.693</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	335.250.812.829	208.602.123.685
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>104.192.376.661</b>	<b>65.350.125.008</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.499.678.730	711.198.195
Chi phí tài chính	22	26	6.472.460.015	3.107.897.438
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.571.839.677</i>	<i>1.814.918.172</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		862.683.870	-
Chi phí bán hàng	25	27	13.787.538.155	13.015.448.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	27.601.001.802	20.116.732.728
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>60.693.739.289</b>	<b>29.821.244.299</b>
Thu nhập khác	31	28	145.326.741	4.061.338
Chi phí khác	32	29	1.232.252.873	10.302.862
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.086.926.132)</b>	<b>(6.241.524)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>59.606.813.157</b>	<b>29.815.002.775</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	11.629.808.393	6.356.534.003
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(668.616.159)	870.654.315
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>48.645.620.923</b>	<b>22.587.814.457</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		47.462.909.523	24.038.904.982
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.182.711.400	(1.451.090.525)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>7.062</b>	<b>8.347</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>34</b>	<b>7.062</b>	<b>8.347</b>

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên

Chủ tịch HĐQT



  
 Trương Minh Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>59.606.813.157</b>	<b>29.815.002.775</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.507.821.366	4.973.111.232
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(385.407.835)	1.292.144.966
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(3.809.190.917)	(564.454.459)
Chi phí lãi vay	06	5.671.839.677	1.814.918.172
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>73.591.875.448</b>	<b>37.330.722.686</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.416.960.864)	(12.340.891.957)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.931.149.837	(31.147.741.744)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	30.704.455.350	59.771.660.438
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.024.376.550	(19.822.800.306)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(22.500.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.225.985.056)	(1.961.698.787)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.321.085.330)	(7.650.599.128)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(358.205.000)	(1.074.935.502)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>63.429.620.935</b>	<b>23.103.715.700</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(50.831.086.697)	(110.289.378.883)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(140.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(49.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.802.700.840	667.394.834
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(97.168.385.857)</b>	<b>(109.621.984.049)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	98.424.661.384	74.760.010.000
Tiền thu từ đi vay	33	49.233.143.726	49.665.939.774
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.534.822.050)	(2.734.280.170)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.279.704.850)	(9.713.870.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>132.843.278.210</b>	<b>111.977.798.704</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2017	Năm 2016
	số	minh	VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		99.104.513.288	25.459.530.355
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	61.654.606.340	36.108.770.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.073.476)	86.305.280
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	160.747.046.152	61.654.606.340

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Hữu Ánh Liên

Chủ tịch HĐQT



Trương Minh Hoàng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/08/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 là: 80.000.000.000 đồng chia thành 8.000.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 29/11/2017, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là CIA.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ và Thương mại.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh; kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ phục vụ hành lý, dịch vụ phục vụ kỹ thuật mặt đất hàng không, dịch vụ làm tài liệu, cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cho các chuyến bay, dịch vụ phục vụ vệ sinh, cung cấp vật tư, vật phẩm lên máy bay, dịch vụ tìm kiếm và giao trả hành lý thất lạc, dịch vụ khác liên quan phục vụ kỹ thuật mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không;
- Nhà hàng, các dịch vụ ăn uống lưu động và dịch vụ ăn uống khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ nội thành, ngoại thành;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; thu gom rác thải không độc hại.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar).

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống và nhà hàng tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh. Trên thị trường có một số doanh nghiệp cũng hoạt động trong những lĩnh vực này nên việc cạnh tranh cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 80.000.000.000 đồng để thực hiện các dự án đầu tư tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh (xem thêm tại thuyết minh số 21.7).

**1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Công ty con:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Các Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.	75%	trực tiếp 51% gián tiếp 24%
Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng không Cam Ranh (CATC)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ thương mại hàng không	100%	100%
Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh (CRCT)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa.	100%	100%

**Công ty liên doanh, liên kết:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, Công ty không quyền hoặc không chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà NTS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Dịch vụ du lịch.	49%	49%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Năm kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**5.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-06 năm.

**5.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí sửa chữa căn tin, nhà kho, phòng kế toán... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

**5.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.11 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**5.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: dịch vụ ăn uống và bán bán hàng, dịch vụ vận tải, dịch vụ bán hàng hóa miễn thuế, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ liên doanh bán hàng và cho thuê mặt bằng, dịch vụ phục vụ mặt đất và dịch vụ phục vụ hàng hóa. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5.14 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Yasaka Sài Gòn - Nha Trang, Công ty CP Dịch vụ Sân bay, Công ty CP Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	6.593.288.405	3.956.892.823
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.048.624.841	47.697.713.517
Tiền đang chuyển	5.132.906	-
Các khoản tương đương tiền (*)	119.100.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>160.747.046.152</b>	<b>61.654.606.340</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.757.036.066</b>	<b>6.891.450.598</b>
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam -CTCP	7.043.525.599	5.502.851.209
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Vietnam Airlines khu vực miền Trung	1.055.951.000	535.126.000
- Công ty CP Hàng Không Jetstar Pacific Airlines	12.641.100.752	-
China Southern Airlines Co.,Ltd	2.194.161.057	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.822.297.658	853.473.389
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.230.853.875</b>	-	<b>550.132.001</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	362.500.000	-	72.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	755.197.875	-	328.016.500	-
+ <i>Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	62.019.445	-	33.825.000	-
+ <i>Tạm ứng thù lao HĐQT, BKS</i>	372.600.000	-	288.000.000	-
+ <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	320.578.430	-	6.191.500	-
- Tạm ứng	109.700.000	-	148.615.000	-
- Bảo hiểm xã hội	3.456.000	-	1.500.501	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>1.800.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.230.853.875</b>	-	<b>551.932.001</b>	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	429.398.060	-	448.883.277	-
Công cụ, dụng cụ	67.412.295	-	202.356.635	-
Hàng hóa	43.618.294.048	-	48.395.014.328	-
<b>Cộng</b>	<b>44.115.104.403</b>	-	<b>49.046.254.240</b>	-

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**  
Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,  
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
Tại 01/01/2017	2.448.556.737	59.367.780.037	28.379.947.747	2.687.331.636	90.601.720	92.974.217.877
- Mua trong năm	-	43.766.953.193	2.391.480.000	-	-	46.158.433.193
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.515.505.326	-	-	-	-	10.515.505.326
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.274.169.091)	-	-	(2.274.169.091)
- Giảm do tháo dỡ	(279.989.688)	-	-	-	-	(279.989.688)
Tại 31/12/2017	12.684.072.375	103.134.733.230	28.497.258.656	2.687.331.636	90.601.720	147.093.997.617
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2017	(956.889.297)	(2.393.316.947)	(4.622.521.454)	(360.232.801)	(5.914.279)	(8.338.874.778)
- Khấu hao trong năm	(1.181.292.074)	(6.795.875.932)	(3.858.687.554)	(504.935.379)	(18.623.688)	(12.359.414.627)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.646.383.682	-	-	1.646.383.682
- Giảm do tháo dỡ	54.442.437	-	-	-	-	54.442.437
Tại 31/12/2017	(2.083.738.934)	(9.189.192.879)	(6.834.825.326)	(865.168.180)	(24.537.967)	(18.997.463.286)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2017	1.491.667.440	56.974.463.090	23.757.426.293	2.327.098.835	84.687.441	84.635.343.099
Tại 31/12/2017	10.600.333.441	93.945.540.351	21.662.433.330	1.822.163.456	66.063.753	128.096.534.331

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 76.009.117.310 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 418.671.618 đồng.

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Tài sản vô hình tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh là phần mềm kế toán, quản lý bán hàng BRAVO, đồng bộ dữ liệu và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Tài sản vô hình tại Công ty con – Công ty TNHH DV Mặt đất Hàng không là phần mềm kế toán Bravo, phần mềm quản lý lịch bay và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	<b>1.516.238.062</b>	<b>20.092.989.464</b>
- Xây dựng cơ bản	1.516.238.062	20.092.989.464
+ Căn tin, quầy bar và nhà điều hành xe bus tại Sân bay Cam Ranh	-	9.629.179.454
+ Tư vấn thiết kế dự án: Nhà ga hàng hóa & khu xử lý hàng hóa bưu kiện (Lập dự án đầu tư xây dựng)	130.000.000	130.000.000
+ Thi công lắp đặt hệ thống điện nguồn	-	202.525.600
+ Trang trí bảng hiệu Công ty	-	330.174.900
+ Mua mới 04 xe đầu kéo TOYOTA TD25	-	5.295.360.000
+ Mua mới xe nâng hàng TXL-737	-	4.332.400.000
+ Thi công đường bê tông và hàng rào dự án nhà ga hàng hóa và khu vực xử lý bưu kiện	1.226.183.062	-
+ Chi phí khác	160.055.000	173.349.510
<b>Cộng</b>	<b><u>1.516.238.062</u></b>	<b><u>20.092.989.464</u></b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.874.625.401</b>	<b>2.219.445.865</b>
- Chi phí mua bảo hiểm	491.006.093	376.512.933
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	660.736.034	1.518.099.981
- Chi phí bảo hộ lao động	48.360.701	316.432.951
- Chi phí thuê bãi đậu xe	329.323.022	-
- Các khoản khác	345.199.551	8.400.000
<b>Dài hạn</b>	<b>9.242.587.268</b>	<b>17.922.143.354</b>
- Chi phí đào tạo phân bổ	4.795.130.341	8.554.220.880
- Chi phí trước hoạt động	103.473.537	4.956.433.099
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.183.896.963	2.465.875.178
- Chi phí sửa chữa căn tin, nhà kho, nhà xưởng, nhà điều hành, nhà xe	893.086.738	875.480.435
- Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê ngoài	-	460.529.555
- Chi phí sửa chữa, trang trí phòng thương gia	346.465.807	609.604.207
- Các khoản khác	920.533.882	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.117.212.669</u></b>	<b><u>20.141.589.219</u></b>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (2)	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	49.000.000.000	49.862.683.870	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	49.000.000.000	49.862.683.870	-	-
+ Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội (1)	49.000.000.000	49.862.683.870	-	-

(1) Căn cứ Nghị quyết số 112C/NQ-HĐQT/CIAS của Hội đồng Quản trị ngày 15/09/2017 phê duyệt việc mua cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội tương ứng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty là 49%.

(2) Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu ngày 18/12/2017 giữa Công ty con – Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh và các cá nhân, Công ty con đã mua cổ phần của Công ty CP Logistics Hàng không, tương ứng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty là 0,594%

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>87.014.740.718</b>	<b>87.014.740.718</b>	<b>78.787.051.101</b>	<b>78.787.051.101</b>
- IPP GROUP (S) PTE.LTD	75.180.951.555	75.180.951.555	60.078.273.560	60.078.273.560
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	4.308.869.743	4.308.869.743	4.598.092.817	4.598.092.817
- Công ty CP Cung cấp Thiết bị và DV Bảo dưỡng Hàng không	91.875.000	91.875.000	7.486.761.285	7.486.761.285
- Công ty TNHH MTV DV Mặt đất Sân bay Việt Nam	94.727.186	94.727.186	2.747.786.186	2.747.786.186
- Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	1.528.978.240	1.528.978.240	745.624.836	745.624.836
- Phải trả người bán khác	5.809.338.994	5.809.338.994	3.130.512.417	3.130.512.417
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Tại 31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	730.516.531	11.955.864.726	10.321.085.330	2.365.295.927				
- Thuế thu nhập cá nhân	60.262.244	1.128.347.474	955.550.339	233.059.379				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	12.735.600	12.735.600	-				
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-				
<b>Cộng</b>	<b>790.778.775</b>	<b>13.103.947.800</b>	<b>11.296.371.269</b>	<b>2.598.355.306</b>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

**Ngắn hạn**

- Trích trước chi phí điện thoại, internet
- Chi phí đào tạo kiến thức chuyên môn
- Trích trước chi phí quản lý điều hành
- Chi phí lãi vay
- Các khoản trích trước khác

**Dài hạn**

**Cộng**

Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
VND	VND
<b>1.080.717.044</b>	<b>1.855.212.039</b>
14.007.898	13.571.885
-	1.763.630.542
766.350.429	-
87.560.117	51.494.460
212.798.600	26.515.152
-	-
<b>1.080.717.044</b>	<b>1.855.212.039</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>595.061.594</b>	<b>595.061.594</b>	<b>858.618.165</b>	<b>858.618.165</b>
- Kinh phí công đoàn	517.250.862	517.250.862	240.591.522	240.591.522
- Bảo hiểm xã hội	431.920	431.920	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	-	12.000.000	12.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.378.812	77.378.812	606.026.643	606.026.643
+ <i>Cố tức phải trả</i>	12.684.400	12.684.400	366.910.900	366.910.900
+ <i>Phải trả khác</i>	64.694.412	64.694.412	239.115.743	239.115.743
<b>Dài hạn</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	30.000.000	48.000.000	48.000.000
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>625.061.594</b>	<b>625.061.594</b>	<b>906.618.165</b>	<b>906.618.165</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,  
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	59.743.788.064	59.743.788.064	21.346.950.510	8.534.822.050	46.931.659.604	46.931.659.604
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	59.743.788.064	59.743.788.064	21.346.950.510	8.534.822.050	46.931.659.604	46.931.659.604
<b>Cộng</b>	<b>59.743.788.064</b>	<b>59.743.788.064</b>	<b>21.346.950.510</b>	<b>8.534.822.050</b>	<b>46.931.659.604</b>	<b>46.931.659.604</b>

Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng trung, dài hạn số 11667.16.002.2612134.TD ngày 05/04/2016 với tổng số tiền là 58.000.000.000 đồng. Mục đích vay là tài trợ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở vật chất cho dịch vụ mặt đất giai đoạn 1 tại Sân bay Cam Ranh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian rút vốn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2016. Lãi suất cho vay trong năm đầu tiên, kể từ ngày giải ngân đầu tiên có định 7,9%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 12 tháng VND của Ngân hàng được công bố và biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo vay đối với hợp đồng tín dụng trên là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án là Máy móc, thiết bị phục vụ dịch vụ mặt đất với tỷ lệ tài trợ/tài sản đảm bảo là 70%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Ngày 05/12/2017, Công ty đã phát hành 300.000 Trái phiếu chuyển đổi với các thông tin như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.
- Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu, tổng số tiền thu được là 30 tỷ đồng. Chi phí phát hành trái phiếu là 150.000.000 đồng.
- Thời hạn Trái phiếu: 02 năm (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 23/10/2019).
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 01 năm một lần vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu và ngày đáo hạn của Trái phiếu.
- Lãi suất: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi và tỷ lệ chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.
- Thời hạn chuyển đổi: Đợt 1 tối đa 50% sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, đợt 2 chuyển đổi phần còn lại tại ngày đáo hạn.

Công ty áp dụng lãi suất 9% là lãi suất cho vay tín chấp bình quân có kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Vietinbank (là ngân hàng giao dịch thường xuyên với Công ty) để xác định Giá trị cấu phần vốn của Trái phiếu (Quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu) bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Theo đó:

+ Giá trị phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi là	27.992.593.216 đồng.
+ Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi đã phân bổ	(4.437.500) đồng.
+ Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi còn phân bổ là	(101.962.500) đồng.
+ Giá trị Quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu là	2.007.406.784 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2016</b>	10.000.000.000	95.000.000	-	-	-	-	416.894.111	2.278.710.697	13.775.868.642	-	-	-	-	-	-	26.566.473.450
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	24.038.904.982	-	-	-	-	(1.451.090.525)	-	22.587.814.457
- Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	7.760.010.000	-	-	-	-	-	-	-	735.629.031	-	-	17.000.000.000	-	-	74.760.010.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(735.629.031)	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(735.629.031)	-	-	-	-	(735.629.031)
- Thường ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(412.500.000)	-	-	-	-	(412.500.000)
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	-	-	-	(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	-	-	-	-	(9.000.000.000)
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>7.855.010.000</b>	-	-	-	-	<b>416.894.111</b>	<b>3.014.339.728</b>	<b>25.931.015.562</b>	<b>15.548.909.475</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>15.548.909.475</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>7.855.010.000</b>	-	-	-	-	<b>416.894.111</b>	<b>3.014.339.728</b>	<b>25.931.015.562</b>	<b>15.548.909.475</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>15.548.909.475</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>	<b>112.766.168.876</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	47.462.909.523	-	-	1.182.711.400	-	-	-	48.645.620.923
- Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	76.417.254.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	96.417.254.600
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	1.129.390.723	(1.129.390.723)	-	-	-	-	-	-	-
- Thường ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(673.750.000)	-	-	-	-	-	-	(673.750.000)
- Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	(288.000.000)	-	-	-	-	-	-	(288.000.000)
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	2.007.406.784	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.007.406.784
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>84.272.264.600</b>	-	-	-	-	<b>416.894.111</b>	<b>4.143.730.451</b>	<b>65.302.784.362</b>	<b>16.731.620.875</b>	<b>252.874.701.183</b>	<b>16.731.620.875</b>	<b>252.874.701.183</b>	<b>252.874.701.183</b>	<b>252.874.701.183</b>	<b>252.874.701.183</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 số 25/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 09/03/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Công ty CP Dịch vụ Sân bay	21,53	17.221.290.000	15,70	9.421.290.000
Công ty CP TM và DV Kỹ thuật Nội Bài	3,51	2.805.640.000	37,11	22.265.640.000
Công ty TNHH DV Sân bay Sài Gòn	2,88	2.300.000.000	17,50	10.500.000.000
Công ty CP DV TM Hàng không Tân Sơn Nhất	6,88	5.500.000.000	-	-
Công ty CP XNK Hàng hóa Nội Bài	6,29	5.033.000.000	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	58,91	47.140.070.000	29,69	17.813.070.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>60.000.000.000</b>

**21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	20.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(6.000.000.000)	(10.000.000.000)

(\*) Công ty tăng vốn căn cứ theo Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 19/08/2017 từ 60.000.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng bằng hình thức chào bán 2.000.000 cổ phiếu ra công chúng. Trong đó, bán đầu giá ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là 1.450.000 cổ phiếu, bán riêng lẻ cho nhà đầu tư tổ chức là 550.000 cổ phiếu.

**21.4 CỔ TỨC**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm	12.000.000.000	15.000.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	12.000.000.000	15.000.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

(\*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/CIAS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh ngày 13/01/2018, Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 là 15% trên vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.5 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	6.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**21.6 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.143.730.451	3.014.339.728

**21.7 TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 19/08/2017 thông qua nội dung thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt tăng vốn lên 80 tỷ đồng theo Tờ trình số 86/TTr-HĐQT/CIAS ngày 09/08/2017 của Hội đồng Quản trị, và căn cứ tình hình thực tế sử dụng vốn, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng, tính đến ngày 31/12/2017 như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Kế hoạch VND	Đã sử dụng VND
1.	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	70.000.000.000	49.000.000.000
2.	Cải tạo nâng cấp hệ thống máy chủ và phần mềm	750.000.000	132.954.000
3.	Bổ sung vốn lưu động	23.671.991.909	23.671.991.909
4.	Cải tạo mở rộng quầy hàng kinh doanh trong sân bay	2.000.000.000	-
5.	Chi phí tư vấn và chào bán cổ phiếu	150.000.000	140.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>96.571.991.909</b>	<b>72.944.945.909</b>

Số tiền còn lại của đợt phát hành cổ phiếu, Công ty cam kết sử dụng đúng mục đích huy động vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>442.146.446.371</b>	<b>274.626.211.538</b>
- Doanh thu dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	44.547.869.859	44.133.705.529
- Doanh thu dịch vụ vận tải	6.194.720.878	5.695.804.520
- Doanh thu hàng miễn thuế	262.866.973.641	182.416.483.490
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	627.366.068	2.308.454.541
- Doanh thu liên doanh bán hàng	11.210.274.584	8.916.383.580
- Doanh thu cho thuê mặt bằng, doanh thu khác	587.444.545	150.009.092
- Doanh thu phục vụ mặt đất	113.549.595.010	30.993.698.059
- Doanh thu phục vụ hàng hóa	2.562.201.786	-
- Doanh thu khác	-	11.672.727
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.703.256.881	673.962.845
Trong đó:		
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	2.703.256.881	673.962.845

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ ăn uống, bán hàng hóa	31.642.042.776	29.070.588.273
Giá vốn dịch vụ xe vận tải	7.341.957.242	5.814.470.923
Giá vốn hàng miễn thuế	197.876.916.430	136.615.151.244
Giá vốn dịch vụ vệ sinh	976.097.620	3.342.839.365
Giá vốn liên doanh bán hàng	9.305.917.602	7.631.528.075
Giá vốn cho thuê mặt bằng, giá vốn khác	498.603.408	267.863.910
Giá vốn phục vụ mặt đất	84.108.551.538	25.859.681.895
Giá vốn phục vụ hàng hóa	3.500.726.213	-
<b>Cộng</b>	<b>335.250.812.829</b>	<b>208.602.123.685</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.946.507.047	564.454.459
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	162.580.233	145.909.436
Lãi do đánh giá lại CLTG cuối năm	390.591.450	834.300
<b>Cộng</b>	<b>3.499.678.730</b>	<b>711.198.195</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	5.571.839.677	1.814.918.172
Chi phí lãi trái phiếu	100.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	620.999.223	-
Lỗ do đánh giá lại CLTG cuối năm	5.183.615	1.292.979.266
Chi phí khác	174.437.500	-
<b>Cộng</b>	<b>6.472.460.015</b>	<b>3.107.897.438</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>27.601.001.802</b>	<b>20.116.732.728</b>
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	15.280.290.806	11.426.975.524
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.311.124.542	786.719.431
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.393.226.157	377.351.316
- Thuế, phí và lệ phí	3.295.720.052	2.163.891.261
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.664.574.812	1.419.098.220
- Chi phí bằng tiền khác	3.656.065.433	3.942.696.976
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>13.787.538.155</b>	<b>13.015.448.738</b>
- Chi phí nhân viên	4.795.014.606	11.970.412.260
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	805.000.748	237.863.075
- Chi phí khấu hao TSCĐ	36.666.672	56.955.557
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.150.856.129	750.217.846
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	24.327.937	-
Tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	31.955.750	450.000
Thu nhập từ tiền ký quỹ	53.808.500	-
Các khoản khác	35.234.554	3.611.338
<b>Cộng</b>	<b>145.326.741</b>	<b>4.061.338</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	4.688.261	9.872.525
Các khoản khác	225.547.251	430.337
Truy thu thuế TNDN năm 2013- 2014	326.056.333	-
Phạt chậm nộp thuế	675.961.028	-
<b>Cộng</b>	<b>1.232.252.873</b>	<b>10.302.862</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>59.606.813.157</b>	<b>29.815.002.775</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>4.366.413.426</b>	<b>1.967.667.242</b>
- Phạt chậm nộp thuế	680.649.289	-
- Truy thu thuế TNDN năm 2013 - 2014	326.056.333	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá tiền, phải thu năm nay	16.627.007	425.836.675
- Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	-	90.740.042
- Lỗi phát sinh do hợp nhất	3.343.080.797	1.451.090.525
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(426.629.516)</b>	<b>-</b>
- Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm nay	(792.841)	-
- Lỗi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	(425.836.675)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>63.546.597.067</b>	<b>31.782.670.017</b>
Chuyển lỗ các năm trước	(4.740.717.476)	-
Khoản lỗ của Công ty con	205.846.244	-
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	(862.683.870)	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>58.149.041.965</b>	<b>31.782.670.017</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.629.808.393</b>	<b>6.356.534.003</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(761.209.632)	-
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	92.593.473	870.654.315
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(668.616.159)</b>	<b>870.654.315</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	227.677.669.207	162.946.605.836
Chi phí nhân công	77.314.043.208	46.825.234.104
Khấu hao tài sản cố định	13.157.628.643	4.382.977.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.580.203.140	22.301.412.655
Chi phí bằng tiền khác	14.328.605.833	5.278.075.084
<b>Cộng</b>	<b>380.058.150.031</b>	<b>241.734.305.151</b>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	47.462.909.523	24.038.904.982
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.721.311	2.879.781
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>7.062</b>	<b>8.347</b>

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị tạm tính là 1.201.945.249 đồng (theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế 2016). Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 25/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 09/03/2017, Công ty không trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	47.462.909.523	24.038.904.982
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.721.311	2.879.781
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>7.062</b>	<b>8.347</b>

(\*) Như được nêu tại thuyết minh số 33 của Báo cáo tài chính, do ảnh hưởng của điều chỉnh nêu trên, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.13

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi số	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.747.046.152	61.654.606.340
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.640.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.874.733.941	7.293.267.098
<b>Cộng</b>	<b>210.261.780.093</b>	<b>68.947.873.438</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	59.743.788.064	46.931.659.604
Phải trả người bán và phải trả khác	87.109.867.050	79.086.166.844
Chi phí phải trả	1.080.717.044	1.855.212.039
<b>Cộng</b>	<b>147.934.372.158</b>	<b>127.873.038.487</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>62.327.407.935</b>	<b>(58.925.165.049)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	59.743.788.064	-	59.743.788.064
Phải trả người bán và phải trả khác	87.079.867.050	30.000.000	-	87.109.867.050
Chi phí phải trả	1.080.717.044	-	-	1.080.717.044
<b>Cộng</b>	<b>88.160.584.094</b>	<b>59.773.788.064</b>	<b>-</b>	<b>147.934.372.158</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	46.931.659.604	-	46.931.659.604
Phải trả người bán và phải trả khác	79.038.166.844	48.000.000	-	79.086.166.844
Chi phí phải trả	1.855.212.039	-	-	1.855.212.039
<b>Cộng</b>	<b>80.893.378.883</b>	<b>46.979.659.604</b>	<b>-</b>	<b>127.873.038.487</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.747.046.152	-	-	160.747.046.152
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.640.000.000	-	-	22.640.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.874.733.941	-	-	26.874.733.941
<b>Cộng</b>	<b>210.261.780.093</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>210.261.780.093</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.654.606.340	-	-	61.654.606.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.291.467.098	1.800.000	-	7.293.267.098
<b>Cộng</b>	<b>68.946.073.438</b>	<b>1.800.000</b>	<b>-</b>	<b>68.947.873.438</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2017	Dịch vụ ăn uống, bán hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Doanh thu hàng miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Dịch vụ liên doanh bán hàng	Doanh thu cho thuê mặt bằng, doanh thu khác	Doanh thu phục vụ mặt đất	Doanh thu phục vụ hàng hóa	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.547.869.859	6.194.720.878	262.866.973.641	627.366.068	11.210.274.584	587.444.545	113.549.595.010	2.562.201.786	442.146.446.371
Giảm trừ doanh thu	-	-	(717.158.713)	-	-	-	(1.986.098.168)	-	(2.703.256.881)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.547.869.859</b>	<b>6.194.720.878</b>	<b>262.149.814.928</b>	<b>627.366.068</b>	<b>11.210.274.584</b>	<b>587.444.545</b>	<b>111.563.496.842</b>	<b>2.562.201.786</b>	<b>439.443.189.490</b>
Giá vốn bộ phận	(31.642.042.776)	(7.341.957.242)	(197.876.916.430)	(976.097.620)	(9.305.917.602)	(498.603.408)	(84.108.551.538)	(3.500.726.213)	(335.250.812.829)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>12.905.827.083</b>	<b>(1.147.236.364)</b>	<b>64.272.898.498</b>	<b>(348.731.552)</b>	<b>1.904.356.982</b>	<b>88.841.137</b>	<b>27.454.945.304</b>	<b>(938.524.427)</b>	<b>104.192.376.661</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	(41.388.539.957)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.803.836.704</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	3.499.678.730
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	862.683.870
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.472.460.015)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	145.326.741
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.232.252.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.629.808.393)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	668.616.159
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.645.620.923</b>

Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản

có định và tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí phân bổ khấu hao và phân

bổ chi phí trả trước

Tổng tài sản

Tổng nợ phải trả

**50.831.086.697****31.411.551.341****452.181.236.725****199.306.535.542**

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Năm 2016	Dịch vụ ăn uống, bán hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Doanh thu hàng miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Dịch vụ bán hàng liên doanh	Doanh thu cho thuê mặt bằng	Doanh thu phục vụ mặt đất	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.133.705.529	5.695.804.520	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	150.009.092	30.993.698.059	11.672.727	274.626.211.538
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	(673.962.845)	-	(673.962.845)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.133.705.529	5.695.804.520	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	150.009.092	30.319.735.214	11.672.727	273.952.248.693
Giá vốn bộ phận	(29.070.588.273)	(5.814.470.923)	(136.615.151.244)	(3.342.839.365)	(7.631.528.075)	(267.863.910)	(25.859.681.895)	-	(208.602.123.685)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.063.117.256	(118.666.403)	45.801.332.246	(1.034.384.824)	1.284.855.505	(117.854.818)	4.460.053.319	11.672.727	65.350.125.008
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	(33.132.181.466)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	32.217.943.542
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	711.198.195
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.107.897.438)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	4.061.338
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.302.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.356.534.003)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	(870.654.315)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	22.587.814.457
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	-	-	110.289.378.883
Tổng chi phí phân bổ khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-	-	-	8.929.649.611
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	253.283.645.475
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	140.517.476.599

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**37.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/CIAS ngày 13/01/2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty thành lập chi nhánh tại Chu Lai, địa chỉ: Sân bay Chu Lai, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, ngành nghề kinh doanh: hoạt động theo ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT/CIAS ngày 13/01/2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức 15% trên vốn điều lệ của Công ty bằng tiền mặt.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**37.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**37.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</b>	<b>1.879.513.700</b>	<b>1.342.856.200</b>
- Thù lao của HĐQT, BKS (*)	673.750.000	288.000.000
- Tổng thu nhập Ban Giám đốc	1.205.763.700	1.054.856.200

(\*) Thù lao của HĐQT, BKS là số đã tạm ứng trong năm, giá trị này sẽ trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét.

**37.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đình Việt

Đỗ Hữu Ánh Liên

Trương Minh Hoàng